

Số: 89 /NQ-HĐND

Vĩnh Cửu, ngày 19 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn huyện (đợt 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU  
KHOÁ XII - KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn huyện (đợt 4); báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 4) theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 và biểu đính kèm của Ủy ban nhân dân huyện. Cụ thể như sau:

**PHẦN A: ĐIỀU CHỈNH GIẢM, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC – CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

**I. Điều chỉnh giảm dự toán:**

**55.588.581.144 đồng**

- Điều chỉnh giảm dự toán chi mượn nguồn CCTL năm 2022 để thực hiện chi phòng chống dịch bệnh Covid-19:

**53.046.253.818 đồng**

- Điều chỉnh giảm dự toán chi nguồn CCTL năm 2022 để thực hiện chi phòng chống dịch bệnh Covid-19: 2.542.327.326 đồng

**II. Bổ sung dự toán: 55.588.581.144 đồng**

- Bổ sung nguồn chi từ nguồn tỉnh cấp bổ sung năm 2022 để thực hiện phòng chống dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

45.719.586.326 đồng

- Bổ sung nguồn chi từ nguồn dự phòng ngân sách huyện để thực hiện chi phòng chống dịch bệnh Covid-19: 57.000.000 đồng

- Bổ sung nguồn chi từ nguồn kết dư ngân sách huyện để thực hiện chi phòng chống dịch bệnh Covid-19: 9.811.994.818 đồng

(chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

**PHẦN B: BỔ SUNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC –  
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

**I. Nguồn thu bổ sung từ ngân sách: 278.549.075.509 đồng**

**1. Nguồn thu từ ngân sách tỉnh: 151.869.294.114 đồng**

Nguồn thu từ NS tỉnh chi đầu tư XD CB: 71.000.000.000 đồng

Nguồn thu từ NS tỉnh chi thường xuyên: 80.869.294.114 đồng

**2. Nguồn thu từ ngân sách huyện: 126.679.781.395 đồng**

**a. Nguồn thu từ NS huyện chi đầu tư XD CB: 0 đồng**

**b. Nguồn thu từ NS huyện chi thường xuyên: 126.679.781.395 đồng**

- Nguồn kết dư CTX năm 2021 chuyển sang: 25.335.038.419 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương: 101.344.742.976 đồng

**II. Bổ sung dự toán chi NSDP: 278.449.955.509 đồng**

**1. Đối với chi đầu tư XD CB: 71.000.000.000 đồng**

**2. Chi thường xuyên: 207.449.955.509 đồng**

- Sự nghiệp kinh tế: 60.276.424.214 đồng

- Sự nghiệp văn hóa - thông tin: 39.494.915 đồng

- Sự nghiệp đảm bảo xã hội: 590.316.055 đồng

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 18.592.000.000 đồng

- Chi quản lý hành chính: 4.802.420.140 đồng

*Khối quản lý nhà nước: 2.882.958.690 đồng*

*Khối Đoàn thể: 36.600.000 đồng*

<i>Khối xã:</i>	1.882.861.450 đồng
- Lĩnh vực an ninh:	1.588.167.500 đồng
- Lĩnh vực quốc phòng:	886.135.000 đồng
- Chi khác:	120.674.997.685 đồng
+ Hoàn trả ngân sách tỉnh:	120.674.997.685 đồng

(Chi tiết tại 12 Phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Giao trách nhiệm Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân huyện;

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu khóa XII, kỳ họp thứ 9 nhất trí thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022 ./. Um

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban XD Đảng, Văn phòng Huyện ủy;
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Viện KSND, TAND, Chi cục THADS huyện;
- Các phòng ban, cơ quan thuộc huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH HĐND.

D/HĐND/ha.tuan/2021/NQ

**CHỦ TỊCH**



**Lê Đỗ Kim Chi**

**Phụ lục I**  
**tổng hợp điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2022 kinh phí phòng chống covid-19 (đợt 4)**  
*(kèm theo Nghị quyết số: 89 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND Huyện Vĩnh Cửu)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Diễn giải	TRÌNH HDND						Ghi chú
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỎ SỪNG	NGUỒN CCTL	NGUỒN CCTL	DỰ PHÒNG	
	I/ Tổng nhu cầu		234.784.508,678	136.281.783,860	36.061.143,674	53.046.253,818	2.542.327,326	6.853.000,000	
	Sự nghiệp y tế		234.784.508,678	136.281.783,860	36.061.143,674	53.046.253,818	2.542.327,326	6.853.000,000	
	Bc số 1329/BC-UBND ngày 15/04/2022		189.328.037,678	136.281.783,860	0	53.046.253,818	0	0	Quyết Định số 893/QĐ.UBND ngày 21/02/2022
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	6.683.885,000	6.683.885,000					Quyết Định số 1078/QĐ.UBND ngày 15/03/2022
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	163.705.296,352	129.597.898,860		34.107.397,492			Quyết Định số 1607/QĐ.UBND ngày 14/04/2022
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	18.938.856,326			18.938.856,326			Quyết Định số 3289/QĐUBND ngày 1/08/2022
	NQ số 72/NQ-HĐND ngày 19/07/2022		37.119.833,000	0	36.061.143,674	0	1.058.689,326	0	Quyết Định số 3289/QĐUBND ngày 1/08/2022
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	7.119.833,000		6.061.143,674		1.058.689,326		Quyết Định số 3289/QĐUBND ngày 1/08/2022
		Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	29.012.000,000		29.012.000,000				Quyết Định số 7629/QĐ UBND ngày 10/08/2022
		Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	988.000,000		988.000,000				Quyết Định số 7976/QĐ UBND ngày 31/08/2022
	NQ số 79/NQ-HĐND ngày 31/08/2022	Kinh phí phòng chống dịch Covid	1.483.638,000				1.483.638,000		
	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 22/12/2022		6.853.000,000	0	0	0	0	6.853.000,000	
		Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	795.000,000					795.000,000	Quyết Định số 7824/QĐ.UBND ngày 19/08/2022

STT	Nội dung	Diễn giải	TRÌNH HDND						Ghi chú	
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỎ SỬNG	NGUỒN CCTL	NGUỒN CCTL	DỰ PHÒNG		
		Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	6.058.000.000						6.058.000.000	Quyết Định số 7629/QĐ.UBND ngày 10/08/2022
	II/ Điều chỉnh, bổ sung		0	9.811.994.818	45.719.586.326	-53.046.253.818	-2.542.327.326		57.000.000	
	Sự nghiệp y tế		0	9.811.994.818	45.719.586.326	-53.046.253.818	-2.542.327.326		57.000.000	
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	0	9.811.994.818		-7.269.667.492	-2.542.327.326			
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	0		18.938.586.326	-18.938.586.326				
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	0			-6.910.000.000			6.910.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	0		795.000.000				-795.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	0		6.058.000.000				-6.058.000.000	
		Kinh phí phòng chống dịch Covid-19	0		19.928.000.000	-19.928.000.000				

**Phụ lục II**

**tổng hợp kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan đơn vị năm 2022 trình HĐND (đợt 4)**

(kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỎ SUNG	NGUỒN CCTL	
	<b>TỔNG CHI</b>		<b>278.449.955.509</b>	<b>31.413.941.279</b>	<b>151.802.840.114</b>	<b>95.233.174.116</b>	
<b>I</b>	<b>Chi Đầu tư XD CB</b>		<b>71.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>0</b>	
	Khen thưởng xã NTM		1.000.000.000		1.000.000.000		
	Phân bổ chi đầu tư (nguồn thường vượt thu)		70.000.000.000		70.000.000.000		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>		<b>207.449.955.509</b>	<b>31.413.941.279</b>	<b>80.802.840.114</b>	<b>95.233.174.116</b>	
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>		<b>60.276.424.214</b>	<b>180.000.000</b>	<b>60.096.424.214</b>	<b>0</b>	
	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bổ sung kinh phí thực hiện đầu tư kênh mương từ đất lúa	6.073.097.779		6.073.097.779		
	Phòng Kinh tế hạ tầng	Bổ sung kinh phí thực hiện sửa chữa các tuyến đường, nâng cấp vỉa hè, đèn đường, cây xanh, nạo vét suối....	43.893.326.435		43.893.326.435		
	Phòng Kinh tế hạ tầng	Bổ sung kinh phí thực hiện xây dựng công chèo, sửa chữa thay thế đèn chiếu sáng, đường, vỉa hè, cây xanh, mương, cống thoát nước....	9.600.000.000		9.600.000.000		
	UBND xã Tân Bình	Bổ sung hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn thành các tiêu chí Nông thôn Mới kiểu mẫu	180.000.000	180.000.000			
	Trung Tâm dịch vụ Nông nghiệp	Thuỷ lợi phí	530.000.000		530.000.000		
<b>2</b>	<b>Chi văn hóa thông tin</b>		<b>39.494.915</b>	<b>39.494.915</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Trung Tâm Văn Hóa-TT-TT (BP Thư Viện)	Bổ sung kinh phí thực hiện con người còn thiếu sau khi thăm định lương	39.494.915	39.494.915			
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>		<b>590.316.055</b>	<b>217.316.055</b>	<b>373.000.000</b>	<b>0</b>	

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ					Ghi chú
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỔ SUNG	NGUỒN CCTL		
	Phòng lao động TBXH	Bổ sung kinh phí hỗ trợ mai táng phí	373.000.000		373.000.000			
	Phòng lao động TBXH	Bổ sung kinh phí đảm bảo xã hội	217.316.055	217.316.055				
4	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Bổ sung kinh phí sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học, đồ chơi ngoài trời các trường mầm non..	18.592.000.000	0	18.592.000.000		0	
	Phòng Giáo Dục và Đào tạo	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập theo NQ số 22/2021/NQ-HĐND	1.592.000.000		1.592.000.000			
5	Chi quản lý hành Chính:		4.802.420.140	3.921.880.740	880.539.400		0	
	a/ Khối QLNN:		2.882.958.690	2.758.873.690	124.085.000		0	
	Văn Phòng HĐND -UBND huyện	Bổ sung kinh phí chênh lệch chi hoạt động HĐND theo NQ số 17/2022/NQ-HĐND	124.085.000		124.085.000			
	Phòng Nội Vụ	Bổ sung kinh phí khen thưởng Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh các cá nhân thuộc huyện ngành Giáo dục và đào tạo HTXSNV năm học 2021-2022	262.240.000	262.240.000				
	Phòng Nội Vụ	Bổ sung kinh phí khen thưởng thường xuyên năm 2022	255.942.000	255.942.000				
	Phòng Nội Vụ	Bổ sung kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện	2.240.691.690	2.240.691.690				
	b/Khoá Đoàn thể		36.600.000	36.600.000	0		0	
	Mặt trận tổ quốc huyện		36.600.000	21.600.000	0		0	
		Bổ sung kinh phí phân biên xã hội năm 2022 theo Quyết định số 217 của Bộ chính trị	10.430.000	10.430.000				

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỎ SUNG	NGUỒN CCTL	
		Bổ sung kinh phí về việc tổ chức đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác trao đổi, học tập kinh nghiệm về xây dựng tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp của Ủy ban MTTQVN huyện Trảng Bom theo Kế hoạch số 92/KH-MTTQ-BTT, ngày 27/9/2022 của Ban Thường trực Ủy	2.980.000	2.980.000			
		Bổ sung kinh phí về việc kiểm tra việc thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" gắn với triển khai thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU, ngày 16/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và khảo sát các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông	2.890.000	2.890.000			
		Bổ sung kinh phí tham dự Hội nghị chuyên đề "Vai trò công tác của công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới" theo Công văn số 2212/MTTQ-BTT ngày 19/10/2022 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai	5.300.000	5.300.000			
	Mặt trận tổ huyện	Bổ sung hỗ trợ kinh phí tổ chức đại hội Đại biểu những người công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc huyện Vĩnh Cửu lần VIII năm 2022-2027	15.000.000	15.000.000			
	c/ Khối xã		1.882.861.450	1.126.407.050	756.454.400	0	
		Bổ sung kinh phí hỗ trợ đối với cán bộ công chức lãnh đạo, quản lý điều động luân chuyển theo NQ 204/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai	671.900.000	671.900.000			
		Bổ sung kinh phí nghi việc CBCC và CBKCT	515.046.450	358.507.050	156.539.400		
		Bổ sung kinh phí đề án " XD xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" theo Văn bản số 4573/UBND-KTNS ngày 11/05/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai	96.000.000	96.000.000			
		Bổ sung kinh phí chênh lệch chi hoạt động HDND theo NQ số 17/2022/NQ-HĐND	599.915.000		599.915.000		
6	Công An:		1.588.167.500	866.006.000	722.161.500	0	



STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỔ SUNG	NGUỒN CCTL	
	Công An	Bổ sung kinh phí thực hiện dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	742.336.000	742.336.000			
	UBND các xã thị Trấn Vĩnh An	Bổ sung kinh phí nghi việc Công An theo NQ 16	123.670.000	123.670.000			
	UBND các xã thị Trấn Vĩnh An	Bổ sung kinh phí Công an bản chuyên trách theo QĐ số 2106/QĐ-UBND ngày 12/08/2022 về triển khai NQ số 16/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022	722.161.500		722.161.500		
7	Quân sự		886.135.000	747.420.000	138.715.000	0	
	Ban chỉ huy quân sự huyện		621.366.000	621.366.000	0	0	
		Bổ sung kinh phí huấn luyện ĐQCB phối hợp diễn tập cùng FBB5/QK 7	462.116.000	462.116.000			
		Bổ sung kinh phí hỗ trợ sửa chữa, thay thế hệ thống biểu bảng và phục vụ các đoàn đại biểu về tham và làm việc theo chương trình Xuân chiến sĩ năm 2023	72.700.000	72.700.000			
		Bổ sung kinh phí cho lực lượng tham gia phục vụ các khu cách ly phòng chống dịch Covid-19	86.550.000	86.550.000			
	UBND các xã thị Trấn Vĩnh An	Bổ sung kinh phí nghi việc quân sự theo đề án 989	198.315.000	59.600.000	138.715.000		
	UBND các xã thị Trấn Vĩnh An	Bổ sung kinh phí trợ cấp tăng thêm cho lực lượng ĐQTT kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ ĐQTT	66.454.000	66.454.000			
8	Chi khác		120.674.997.685	25.441.823.569	0	95.233.174.116	
	Ngân sách huyện	Chi nộp hoàn trả ngân sách tỉnh	120.674.997.685	25.441.823.569	0	95.233.174.116	
		Nộp trả NS tính kinh phí BSCMT hết nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm đ Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính theo yêu cầu của Kiểm toán (trong đó xã nộp trả huyện : 3.590.135.133)	8.246.254.709	8.246.254.709			
		Nộp trả NS tính kinh phí BSCMT hết nhiệm vụ chi	8.174.997.685	8.174.997.685			

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	KẾT DƯ	TÌNH BỔ SUNG	NGUỒN CCTL	
		Nộp trả NS tính kinh phí BSCMT hết nhiệm vụ chi (Kinh phí covid-19)	71.257.024	71.257.024			
		Nộp trả NS tính kinh phí cấp cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid thừa so với khả năng huyện tự đảm bảo theo yêu cầu kiểm toán	42.860.000.000	11.084.000.000	0	31.776.000.000	
		Nộp trả NS tính KP cấp cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid nguồn CCTL (huyện 14.471.317.448, xã 17.304.557.182)	31.776.000.000			31.776.000.000	
		Nộp trả NS tính KP cấp cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid nguồn CCTL kiểm toán xác định tăng thêm (huyện 4.780.000.000, xã 5.233.000.000)	10.013.000.000	10.013.000.000			
		Nộp trả NS tính KP cấp cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid nguồn Dự phòng trong đó (huyện 448.169.176, xã 623.016.805)	1.071.000.000	1.071.000.000			
		Nộp trả NS tính kinh phí cấp cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid thừa so với khả năng huyện tự đảm bảo theo yêu cầu của Sở Tài chính (xã nộp trả ngân sách huyện, huyện nộp trả tỉnh)	69.568.742.976	6.111.568.860		63.457.174.116	

300

TỔNG CỘNG

Tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ

NGUỒN CCTL

Ghi chú